

Số: 479 /BC-SNN

Trà Vinh, ngày 26 tháng 7 năm 2018

## **BÁO CÁO**

### **Tình hình thực hiện nhiệm vụ tháng 7 và kế hoạch tháng 8 năm 2018 (Tính đến ngày 15/7/2018)**

Tình hình sản xuất trong tháng có một số thuận lợi và khó khăn đan xen như: Mưa đều trên diện rộng thuận lợi cho cây trồng phát triển, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi không phát sinh, cùng với việc triển khai áp dụng khoa học kỹ thuật trong canh tác, sản xuất ngày càng rộng rãi, các chính đầu tư trong nông nghiệp tiếp tục triển khai thực hiện và nỗ lực, phấn đấu vượt khó của nông dân trong tỉnh nên năng suất, sản lượng của hầu hết các loại cây trồng, vật nuôi đều gia tăng. Tuy nhiên, có một vài cơn mưa lớn kèm theo giông làm thiệt hại 40 căn nhà của hộ dân sau những cơn mưa môi trường ao nuôi thường biến động lớn ảnh hưởng đến sức khỏe tôm nuôi và giá cả đầu ra một số sản phẩm (lúa, dừa khô, tôm nuôi các loại và một số loại rau màu) xuống thấp gây ảnh hưởng đáng kể đến thu nhập người sản xuất. Nhưng được sự quan tâm lãnh, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, sự hỗ trợ của các ngành, các cấp, đặc biệt là sự nỗ lực vượt khó của nông dân nên sản xuất nông nghiệp đạt được một số kết quả, cụ thể như sau:

#### **I. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC**

##### **1. Công tác tham mưu, chỉ đạo điều hành**

Tham mưu tổng hợp báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương VII khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; báo cáo 05 năm thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp; báo cáo kết quả thực hiện các chính sách đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; báo cáo 6 tháng đầu năm thực hiện Chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh; xây dựng kế hoạch ngành năm 2019.

Tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh xin chủ trương xây dựng Quy định một số chính sách khuyến khích, thu hút đầu tư vào ngành hàng tôm đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; phê duyệt Kế hoạch hành động nâng cấp 02 chuỗi giá trị dừa và đậu phộng thuộc nguồn vốn Dự án SME, Đề án “Phát triển mỗi xã, phường, thị trấn một sản phẩm” trên địa bàn tỉnh, tham mưu trình UBND tỉnh Bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới nâng cao áp dụng trên địa bàn tỉnh.

Tổ chức lấy ý kiến dự thảo quyết định thay thế Quyết định số 06/2013/QĐ-UBND ngày 28/01/2013 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại cây trồng, vật nuôi là thủy sản khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Trà Vinh và bổ sung định mức kinh tế kỹ thuật trên cây trồng, vật nuôi.

##### **2. Tình hình sản xuất**

###### **a) Trồng trọt**

Cây lúa: Vụ Hè Thu xuống giống 2.261 ha, nâng diện tích xuống giống đến nay 75.823 ha, đạt 98,47% kế hoạch, thấp hơn cùng kỳ 1.024 ha. Thu hoạch 444 ha, năng suất 4,85 tấn/ha, sản lượng 2.153 tấn. Diện tích lúa nhiễm sâu bệnh 4.123 ha (tăng 1.522 ha so với tháng trước), gồm: Sâu cuốn lá 1.747 ha, mật số phổ biến 10-20 con/m<sup>2</sup> cục bộ có 1.002 ha mật độ 25-50 con/m<sup>2</sup> tập trung ở huyện Trà Cú; cháy lá 1.466 ha gây hại tỉ lệ 5-20%; rầy nâu 191 ha mật số 750-1.000 con/m<sup>2</sup>; cháy bìa lá 120 ha gây hại tỉ lệ 10-40%; bệnh đốm vằn 11 ha gây hại tỉ lệ 10-20%; bệnh lem lép hạt 555 ha gây hại với tỉ lệ 5-30%; đạo ôn cổ bông 32 ha gây hại với tỉ lệ 2-5%; còn lại là một số loại sâu bệnh khác, mức độ gây hại không đáng kể.

Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác: Gieo trồng 4.570 ha, nâng đến nay gieo trồng 40.605 ha (cao hơn cùng kỳ 1.971 ha), đạt 73,29% kế hoạch, gồm: Màu lương thực 4.511 ha, màu thực phẩm 21.995 ha, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác 10.850 ha. Diện tích nhiễm đốm nâu trên cây thanh long 149 ha (nhiễm nặng 50 ha); nhiễm bọ cánh cứng trên cây dừa 545,5 ha (nhiễm nặng 2,8 ha).

#### **b) Chăn nuôi**

Tình hình chăn nuôi phát triển ổn định; trong tháng giá heo hơi tiếp tục tăng 3.000 đồng/kg lên mức 48.000 đồng/kg, người chăn nuôi bắt đầu tái đàn trở lại, giá cả sản phẩm chăn nuôi khác vẫn giữ mức ổn định so tháng trước.

Phát sinh trường hợp chó nghi bệnh Đại tại ấp II, xã Phong Thạnh, huyện Cầu Kè; qua xác minh, chó nghi bệnh Đại không rõ nguồn gốc, đã bị giết thịt, cần 04 người (đã được tiêm phòng kháng huyết thanh) và 01 con chó khác; đối với trường hợp 01 con chó bị chó nghi bệnh Đại cắn, đã lập biên bản yêu cầu chủ nuôi nhốt riêng, theo dõi trong 15 ngày (kể từ ngày xác minh dịch bệnh) và báo ngay với địa phương, cơ quan chuyên môn khi chó có biểu hiện bất thường.

#### **c) Lâm nghiệp**

Đã triển khai giao được 55.000 cây giống lâm nghiệp phân tán để trồng ven các tuyến đường giao thông nông thôn; tổ chức đấu thầu trồng 35,5 ha rừng phòng hộ đồng thời đang triển khai lập dự toán và thiết kế thi công trồng rừng quy mô 80 ha của dự án đầu tư xây dựng và phát triển bền vững rừng phòng hộ tỉnh Trà Vinh. Tổ chức 81 lượt tuần tra bảo vệ rừng và kiểm soát lâm sản; phát hiện và xử lý 01 trường hợp vi phạm, nâng tổng số đến nay tổ chức 541 lượt tuần tra bảo vệ rừng và kiểm soát lâm sản, phát hiện và xử lý 07 trường hợp vi phạm; cấp 11 giấy phép xuất bán động vật hoang dã; tổ chức nghiệm thu, phúc tra phòng cháy chữa cháy rừng với diện tích rừng 258,6 ha; đã hoàn thành ký hợp đồng khoán bảo vệ rừng trên toàn tỉnh, với tổng diện tích là 5.160,36 ha.

Thường xuyên kiểm tra, bảo đảm an toàn công tác phòng cháy chữa cháy rừng và vận động người dân sống ven rừng Phi lao sử dụng lửa an toàn.

#### **d) Thủy sản**

Sản lượng thủy sản thu hoạch trong tháng 28.692 tấn, nâng tổng số đến nay 103.764 tấn, đạt 51,5% kế hoạch, tăng 6.047 tấn so cùng kỳ, cụ thể:

- Nuôi thủy sản: Thả nuôi 5.119 ha, thu hoạch 21.517 tấn (2.575 tấn cá lóc, 1.953 tấn tôm sú, 11.761 tấn tôm thẻ chân trắng,...), nâng tổng số đến nay thả nuôi

32.074 ha, thu hoạch 60.749 tấn (15.233 tấn cá lóc, 5.864 tấn tôm sú, 22.365 tấn tôm thẻ chân trắng,...), đạt 47,9% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 2.920 tấn, trong đó:

+ Vùng nước mặn, lợ: Thả nuôi 198 triệu con tôm sú giống, diện tích 2.855 ha; 406 triệu con tôm thẻ chân trắng, diện tích 1.021 ha; thu hoạch 15.383 tấn. Nâng tổng số đến nay thả nuôi 1,42 tỷ con tôm sú giống, diện tích 22.055 ha; 3,3 tỷ con tôm thẻ chân trắng, diện tích 6.021 ha; 191 triệu con cua biển, diện tích 1.150 ha; thu hoạch 32.209 tấn (cao hơn cùng kỳ 5.171 tấn). Tuy nhiên, trong tháng do mưa nhiều môi trường ao nuôi biến động ảnh hưởng đến sức khoẻ tôm nuôi đã làm thiệt hại rải rác ở các xã nuôi của huyện Châu Thành, Cầu Ngang, Duyên Hải và thị xã Duyên Hải ở giai đoạn 20-60 ngày tuổi và có dấu hiệu của bệnh đốm trắng, hoại tử gan tụy,... Từ đầu vụ nuôi đến nay đã làm thiệt hại 88 triệu con tôm sú giống (chiếm 6% lượng con giống thả nuôi chung), diện tích 404 ha (chiếm 1,8%); 624 triệu con tôm thẻ chân trắng (chiếm 19% lượng con giống thả nuôi), diện tích 1.045 ha (chiếm 17,3%).

+ Vùng nước ngọt: Thả nuôi 40,2 triệu con tôm, cá giống các loại, diện tích 1.244 ha (cá lóc 23,3 triệu con, diện tích 74 ha; cá tra 179 ngàn con, diện tích 32 ha), thu hoạch 6.134 tấn. Nâng tổng số thả nuôi 159 triệu con tôm, cá giống các loại, diện tích 2.003 ha (cá lóc 82,5 triệu con, diện tích 174 ha, cá tra 18,7 triệu con, diện tích 42 ha); thu hoạch 28.540 tấn, đạt 40% kế hoạch, thấp hơn cùng kỳ 2.251 tấn.

- Khai thác thủy sản: Sản lượng khai thác trong tháng 7.175 tấn (1.192 tấn tôm), nâng tổng số 43.015 tấn (7.106 tấn tôm), đạt 57,5% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 3.126 tấn, trong đó:

+ Khai thác nội đồng: 715 tấn (163 tấn tôm), nâng tổng số 5.385 tấn (1.750 tấn tôm), đạt 46,4% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 332 tấn.

+ Khai thác hải sản: 6.460 tấn (1.029 tấn tôm), nâng tổng số đạt 37.630 tấn (5.356 tấn tôm), đạt 59,6% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 2.795 tấn.

Thu mua, chế biến: Các doanh nghiệp thu mua 2.359 tấn thủy sản (tôm sú 285 tấn, tôm thẻ 1.000 tấn), chế biến 1.382 tấn, tiêu thụ 892 tấn, kim ngạch xuất khẩu 4,2 triệu USD. Nâng tổng sản lượng các doanh nghiệp thu mua 8.151 tấn thủy sản (tôm sú 718 tấn, tôm thẻ 4.268 tấn), chế biến 4.581 tấn, tiêu thụ 3.681 tấn, kim ngạch xuất khẩu 27,5 triệu USD.

Quản lý tàu cá, cảng cá:

- Kiểm tra an toàn kỹ thuật 105 tàu, cấp phép đóng mới, cải hoán 08 tàu, đăng ký 11 tàu, cấp 88 giấy phép khai thác thủy sản. Nâng tổng số đã kiểm tra an toàn kỹ thuật 394 tàu, cấp phép đóng mới, cải hoán 74 tàu, đăng ký 110 tàu, cấp 112 sổ danh bạ (476 thuyền viên), cấp 334 giấy phép khai thác thủy sản, xoá bộ 28 tàu, cấp 04 giấy chứng nhận an toàn thực phẩm. Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 1.194 tàu cá được đăng ký, tổng công suất 137.509 CV (305 tàu có công suất từ 90 CV trở lên).

- Tổ chức thu dịch vụ sử dụng 1.548 tàu, xe ra vào cảng, bốc dỡ 1.184 tấn hàng hoá và cho thuê mặt bằng với số tiền 70,9 triệu đồng. Nâng tổng số đến nay đã thu dịch vụ sử dụng 9.802 tàu, xe ra vào cảng, bốc dỡ 11.942 tấn hàng hoá và

cho thuê mặt bằng với số tiền 729,6 triệu đồng, chứng nhận thủy sản khai thác xuất khẩu được 43 giấy khối lượng 455,4 tấn.

### **3. Phát triển nông thôn**

#### **a) Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới:**

Các địa phương tổ chức lồng ghép 135 cuộc tuyên truyền cho 5.494 lượt người; công nhận 1.417 hộ và 05 ấp đạt chuẩn nông thôn mới. Nâng tổng số đến nay tổ chức lồng ghép 1.017 cuộc tuyên truyền cho 31.607 lượt người; công nhận 150.030 hộ (đạt 67,18% số hộ phát động) và 243 ấp (chiếm 35,6%) đạt chuẩn nông thôn mới. Kết quả có 30 xã đạt chuẩn nông thôn mới, 07 xã đạt từ 14 – 18 tiêu chí, 27 xã đạt 10 – 13 tiêu chí, 21 xã dưới 10 tiêu chí. Các địa phương đã giải ngân đạt khoảng 30% nguồn vốn phân bổ (vốn kế hoạch 222,1 tỷ đồng).

#### **b) Chương trình bố trí dân cư**

Trình xin chủ trương tiếp tục thi công các hạng mục còn lại của dự án Di dân sạt lở ấp Cồn Phụng, xã Long Hòa; phối hợp UBND thị xã Duyên Hải và xã Trường Long Hòa triển khai hỗ trợ vốn 8 hộ dân; UBND xã Hiệp Thạnh lập thủ tục di dời bổ sung 02 hộ vào khu di dân trên địa bàn xã.

**c) Phát triển kinh tế hợp tác:** Phối hợp với Phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện, UBND các xã đã triển khai tập huấn 16 lớp thành lập mới tuyên truyền nhận thức và củng cố HTX cho 476 người. Tổng hợp báo cáo kết quả 01 năm triển khai thực hiện Đề án thí điểm hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới trên địa bàn tỉnh.

**d) Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn:** Lắp đặt cho 812 hộ sử dụng nước máy, nâng tổng số đến nay đã cung cấp cho 111.420 hộ; trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán Dự án xử lý, cải thiện vệ sinh và môi trường nông thôn và kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua ống, lắp đặt đường ống dẫn nước sinh hoạt của nhân dân (hộ nghèo) ở các xã Phước Hảo, Đa Lộc, Hòa Minh, huyện Châu Thành và xã Mỹ Cẩm, huyện Càng Long.

### **4. Xây dựng cơ bản**

Tiếp tục theo dõi tình hình triển khai thực hiện 20 dự án (01 dự án hoàn thành, 16 dự án chuyển tiếp và 03 dự án khởi công mới), gồm: 05 công trình phục vụ nuôi thủy sản; 10 công trình đê, kè; 05 công trình dân dụng; giải ngân 60 tỷ đồng, đạt 18,9% kế hoạch vốn phân bổ.

### **5. Công tác thủy lợi và phòng chống lụt bão**

Các địa phương tổ chức thực hiện được 22 công trình thủy lợi nội đồng, chiều dài 19.463 m, khối lượng 56.030 m<sup>3</sup>. Nâng tổng số các địa phương tổ chức thực hiện được 367 công trình thủy lợi nội đồng, chiều dài 272.659 m, khối lượng 899.427 m<sup>3</sup>, đạt 90,6% kế hoạch đăng ký ban đầu và đạt 94,5% so khối lượng được duyệt.

Phối hợp với địa phương: Khảo sát hạ độ cao các bờ kênh thuộc hệ thống kênh cấp II trên địa bàn huyện Trà Cú và khảo sát vị trí xin xây dựng nhà văn hóa ấp Ô Chích B và Base B, xã Lương Hòa, huyện Châu Thành; báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Xử lý sụp lún 04 vị trí phát sinh mái kè bảo vệ đoạn xung yếu bờ biển xã Hiệp Thạnh; tiếp tục triển khai thi công công trình xử lý sụp lún, hư hỏng mái kè bảo vệ đoạn xung yếu bờ biển xã Hiệp Thạnh, đạt 88,7% kế hoạch.

Tổ chức 16 đợt khảo sát, kiểm tra tình hình an toàn các tuyến đê, phát hiện 03 trường hợp vi phạm hành lang bảo vệ đê, đã tiến hành xử lý theo quy định. Nâng tổng số đến nay đã tổ chức 106 đợt khảo sát, kiểm tra tình hình an toàn các tuyến đê, phát hiện 09 trường hợp vi phạm hành lang bảo vệ đê, đã tiến hành xử lý theo quy định.

\* *Tình hình mưa lớn kèm theo giông đã gây thiệt hại:* 40 căn nhà (20 căn sập hoàn toàn, 20 căn nhà tốc mái), ngã 03 trụ điện và 12 cây xanh; ước giá trị thiệt hại 721 triệu đồng. Các địa phương đã huy động lực lượng giúp người dân thu dọn, khắc phục thiệt hại và phối hợp với các ngành chức năng hỗ trợ cho các hộ dân bị thiệt hại.

**6. Thanh tra, kiểm tra chuyên ngành:** Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về vật tư nông nghiệp đối với 73 cơ sở, thu 22 mẫu thức ăn chăn nuôi và thuốc thú y để kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa; ra quyết định xử phạt 07 trường hợp vi phạm. Nâng tổng số đến nay đã thanh tra 579 lượt cơ sở, phương tiện, thu 126 mẫu vật tư nông nghiệp để kiểm tra chất lượng; ra quyết định xử phạt 63 trường hợp vi phạm theo đúng quy định pháp luật.

**7. Công tác bảo vệ thực vật, thú y, quản lý chất lượng nông lâm thủy sản và ATVSTP**

*a) Công tác bảo vệ thực vật:* Tổ chức 03 chuyến khám bệnh lưu động trên cây trồng cho 81 nông dân mang bệnh phẩm đến tư vấn; nhân nuôi 17.500 ong ký sinh và 450 bọ đuôi kim phóng thích ra môi trường tự nhiên để khống chế bọ cánh cứng hại dừa. Lũy kế đến nay tổ chức 06 chuyến khám bệnh lưu động trên cây trồng cho 168 nông dân mang bệnh phẩm đến tư vấn; nhân nuôi 247.750 ong ký sinh, 6.959 bọ đuôi kim phóng thích ra tự nhiên để quản lý bọ cánh cứng hại dừa.

*b) Công tác thú y:*

Tiêm phòng: Cúm 372.858 gia cầm, LMLM 5.643 gia súc, Tai xanh heo 880 con, bệnh Dại 4.005 chó, mèo, các bệnh thường xuyên 309.997 gia súc và các loại vaccine khác 660.331 liều. Nâng tổng số tiêm phòng: Cúm 1.999.797 gia cầm (đạt 73,59% so diện tiêm), LMLM 18.876 gia súc (đàn bò đạt 10,26% so diện tiêm), vaccine tai xanh heo 880 con; phòng dại 11.391 chó, mèo, phòng các bệnh thường xuyên 875.885 gia súc và các loại vaccine khác 1,96 triệu liều.

Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật xuất, nhập tỉnh 38.698 con gia súc, 377 ngàn con gia cầm và 105 tấn sản phẩm động vật. Nâng đến nay kiểm dịch được 227.178 con gia súc, 1,58 triệu con gia cầm và 421 tấn sản phẩm động vật.

Kiểm dịch 37,1 triệu con tôm sú giống, 232 ngàn con tôm thẻ chân trắng; thực hiện 14 kỳ quan trắc, cảnh báo môi trường nước; thu 02 mẫu giáp xác phân tích phục vụ nuôi thủy sản. Nâng đến nay đã kiểm dịch 90,3 triệu con tôm sú giống, 998 triệu con tôm thẻ chân trắng, thực hiện 59 kỳ quan trắc, cảnh báo môi trường nước; thu 86 mẫu giáp xác phân tích phục vụ nuôi thủy sản (37 mẫu nhiễm đốm trắng).

*c) Công tác quản lý chất lượng nông lâm thủy sản và ATVSTP*

Kiểm tra, đánh giá 10 cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản, kết quả 05 cơ sở loại A, 05 cơ sở loại B; cấp 05 giấy chứng nhận đủ điều kiện bảo đảm ATTP và 24 giấy xác nhận kiến thức ATTP; tổ chức thu 44 mẫu nông

sản thực phẩm phân tích, kiểm nghiệm giám sát dư lượng chất độc hại. Nâng tổng số đến nay đã kiểm tra, đánh giá 160 cơ sở về điều kiện bảo đảm ATTP có 92 cơ sở loại A, 68 cơ sở loại B; cấp 40 giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP và 95 giấy xác nhận kiến thức ATTP; thu 431 mẫu (194 mẫu nông sản, 237 mẫu thủy sản) phân tích, kiểm nghiệm chất lượng phát hiện 10 mẫu vi phạm.

## **8. Công tác khuyến nông và công tác giống**

### **a) Công tác khuyến nông**

Đề tài xây dựng và hoàn thiện quy trình nuôi tôm thẻ chân trắng hai giai đoạn thích ứng biến đổi khí hậu, hiện tôm nuôi đã thu hoạch đợt 1 năng suất 14 tấn/ha, đợt 2 tôm ở giai đoạn 90 ngày tuổi, trọng lượng 40 con/kg, đợt 3 tôm ương 56 ngày tuổi; theo dõi và hướng dẫn kỹ thuật cho 28 hộ nhận nuôi 80 con bò sinh sản của dự án “*Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong chăn nuôi bò thịt chất lượng cao tại Trà Vinh*”.

Tổ chức 61 lớp tập huấn cho 2.416 lượt nông dân về kỹ thuật trồng lúa, dinh dưỡng, ủ rơm với ure, ủ chua thân bắp, chăn nuôi heo theo hướng an toàn dịch bệnh, chăn nuôi bò, vịt biển, vịt xiêm theo hướng an toàn sinh học, chăn nuôi gà thả vườn và phòng trừ sâu bệnh trên cây trồng; 03 cuộc tọa đàm và hội thảo; tư vấn 807 lượt hộ. Nâng tổng số đến nay đã tổ chức 218 lớp tập huấn cho 7.063 lượt nông dân (trồng trọt 28 lớp, 940 lượt người; chăn nuôi 67 lớp, 1.346 lượt người; thủy sản 71 lớp, 2.099 lượt người, phòng trừ sâu bệnh 62 lớp, 2.678 lượt người); 15 cuộc hội thảo, tổng kết; tư vấn trực tiếp cho 3.909 lượt hộ về lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản. Tiếp tục theo dõi 13 mô hình thuộc nguồn vốn sự nghiệp, khuyến nông quốc gia và các dự án kết hợp.

### **b) Công tác giống**

Giống cây trồng: Khảo nghiệm 03 bộ giống lúa bộ A<sub>0</sub>, A<sub>1</sub>, A<sub>2</sub>, diện tích 0,4 ha; khảo nghiệm giống lúa bộ giống chịu mặn ở vùng lúa tôm tại xã Đôn Châu, huyện Duyên Hải với diện tích 0,2 ha; cung ứng 195 kg lúa giống cấp xác nhận 1, 4.500 cây giống các loại. Lũy kế đến nay đã cung ứng trên 53,6 tấn lúa giống xác nhận 1; 6.668 cây giống các loại.

Giống thủy sản: Tiếp tục chăm sóc 268 con tôm càng xanh cái giả (chuẩn bị cho sinh sản), mô hình sử dụng trùn quế làm thức ăn ương lươn từ hương lên giống 23 ngày tuổi (trọng lượng bình quân 400 con/kg); sản xuất được 1,2 triệu con giống tôm sú, 1,4 triệu con giống tôm càng xanh toàn đực, 355 ngàn con cá lóc giống; cung ứng và điều tiết: 05 triệu con giống tôm sú, 8,2 triệu con giống tôm thẻ chân trắng, 2,1 triệu con giống tôm càng xanh toàn đực, 1,9 triệu con giống cua biển, 9,3 triệu con giống cá lóc và 10,7 tấn cá các loại.

Giống vật nuôi: Đầu tư mô hình nuôi vịt biển quy mô 400 con (giai đoạn úm) và mô hình nuôi dê Boer sinh sản 09 con để cung cấp con giống cho địa phương.

## **9. Tình hình thực hiện chính sách**

Chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ theo Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg: Đến nay đã hỗ trợ đầu tư mua 40 con heo, bò đực giống, xây dựng 5.479 công trình khí sinh học, 2.788 liều tinh, 60 bình nitơ, đào tạo 29 dẫn tinh viên, giải ngân 28,71 tỷ đồng, đạt 73,5% kế hoạch vốn phân bổ. Ngành đã

tham mưu UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch triển khai thực hiện năm 2018 trình Bộ Tài chính phân bổ vốn. Hiện nay các địa phương hoàn chỉnh thủ tục thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ năm 2017.

Chính sách hỗ trợ áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt theo Quyết định số 28/2015/QĐ-UBND: Không phát sinh mới, đến nay chỉ có 01 dự án được phê duyệt, dự kiến mời tổ chức đánh giá, chứng nhận VietGAP trong quý IV năm 2018.

Chính sách hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa theo Nghị định số 35/2015/NĐ-CP của Chính phủ: Các huyện, thị xã, thành phố đang triển khai đầu tư xây dựng, nâng cấp các công trình thủy lợi, giao thông nội đồng phục vụ sản xuất lúa với tổng kinh phí phân bổ năm 2018 là 84,235 tỷ đồng.

Chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn theo Quyết định 62/2013/QĐ-TTg: Đang hỗ trợ các HTX nông nghiệp trên địa bàn huyện Châu Thành, Tiểu Cần, Cầu Ngang để xây dựng Phương án cánh đồng lớn. Tuy nhiên, hiện nay Chính phủ vừa ban hành Nghị định 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 có hiệu lực vào ngày 20/8/2018 sau khi được các Bộ, ngành Trung ương hướng dẫn và tính cụ thể hoá ngành sẽ tiếp tục hỗ trợ các HTX nông nghiệp của các huyện nêu trên xây dựng phương án để thực hiện.

Chính sách đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định 1956/QĐ-TTg: Hoàn chỉnh kế hoạch tổ chức 09 lớp đào tạo nghề cho 272 lao động nông thôn, kinh phí 300 triệu đồng.

Chính sách hỗ trợ, phát triển HTX theo Quyết định số 2261/QĐ-TTg: Có 84 cán bộ trẻ về làm việc có thời hạn tại 42 hợp tác xã nông nghiệp (mức lương từ 2,58 – 3,32 triệu đồng/tháng).

Chính sách hỗ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo Nghị quyết 15/2016/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh: Nguồn vốn phân bổ năm 2017, đến nay đã giải ngân được 7,5/19 tỷ đồng để đầu tư trồng màu, trồng cây ăn trái,.... Năm 2018, UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch với tổng vốn đầu tư là 27,36 tỷ đồng, hiện nay các địa phương đang tiếp tục triển khai thực hiện vốn phân bổ của năm 2017 và kế hoạch năm 2018.

## **II. NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ**

### **1. Mặt được**

Chủ động trong công tác phòng chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi nên các loại bệnh nguy hiểm chỉ xảy ra cục bộ, nhỏ lẻ và kịp thời khống chế; chăn nuôi heo, bò, gia cầm phát triển mạnh.

Phối hợp tốt với các địa phương hướng dẫn người nuôi thường xuyên theo dõi tình hình nuôi thủy sản phòng chống bệnh trong mùa mưa bão và hướng dẫn kịp thời người dân xử lý tình hình sâu bệnh trên cây trồng, không để phát sinh qua những chuyến khám bệnh lưu động trên cây trồng ở các địa phương.

Công tác chuyên giao khoa học kỹ thuật tiếp tục được tăng cường giúp cho người dân ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới vào sản xuất.

Công tác thanh kiểm tra chuyên ngành được đẩy mạnh thực hiện góp phần hạn chế đến mức thấp nhất việc buôn bán vật tư nông nghiệp giả, kém chất lượng.

Tổ chức các lớp tập huấn hướng dẫn các tổ hợp tác xây dựng hợp tác xã kiểu mới theo đúng quy định.

## **2. Mặt hạn chế**

Tình hình xuống giống lúa Hè Thu không theo lịch thời vụ đã ảnh hưởng đến vụ Thu Đông xuống giống không đúng tiến độ.

Tình hình giá các loại hoa màu đang ở mức thấp và một mặt vào mùa mưa khó khuyến cáo người dân chuyển đổi diện tích sản xuất lúa sang trồng màu hoặc kết hợp nuôi trồng thủy sản nên diện tích chuyển đổi đạt thấp.

Công tác thủy lợi nội đồng khối lượng thực hiện còn chậm và không đạt theo kế hoạch đề ra do các địa phương chưa quan tâm đúng mức.

Công tác vận động hộ chăn nuôi tiêm phòng vắc xin để phòng bệnh cho đàn vật nuôi còn nhiều hạn chế.

## **II. KẾ HOẠCH CÔNG TÁC THÁNG 8 NĂM 2018**

### **1. Công tác tham mưu, chỉ đạo điều hành**

Tham mưu trình UBND tỉnh ban hành Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2018 – 2020; phê duyệt định mức kinh tế kỹ thuật trên cây trồng, vật nuôi và Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Trà Vinh.

Dự thảo thay thế Quyết định số 06/2013/QĐ-UBND ngày 28/01/2013 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại cây trồng, vật nuôi là thủy sản khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

### **2. Sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản và phát triển nông thôn:**

#### **a) Trồng trọt:**

- Cây lúa: Tăng cường công tác dự tính, dự báo và xây dựng các điểm dự báo sâu bệnh để kịp thời thông báo, hướng dẫn nông dân phòng trị; theo dõi rầy vào đền để thu mẫu phân tích virus lùn lúa cỏ và bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá; tổ chức tập huấn hướng dẫn người dân phòng trừ sâu bệnh giai đoạn giữa vụ và tổ chức khám bệnh lưu động trên cây trồng tại các huyện Cầu Kè, Trà Cú.

- Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác: Hướng dẫn nông dân chăm sóc cây màu vụ mùa. Tiếp tục khuyến khích nông dân chuyển đổi từ sản xuất lúa kém hiệu quả sang trồng màu ở những nơi có điều kiện, tập trung phát triển một số cây chủ lực như: Bắp, đậu phộng, bí đỏ, ớt, các loại rau màu thực phẩm,...

**b) Chăn nuôi:** Rà soát tình hình chăn nuôi tại địa phương đặc biệt là những vùng chăn nuôi tập trung, triển khai hướng dẫn, đánh giá tình hình chăn nuôi trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục hỗ trợ địa phương tổ chức thực hiện Quyết định số 48/2016/QĐ-UBND ngày 24/11/2016, ban hành quy định hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2020. Tiếp tục phối hợp Sở Công thương thành phố Hồ Chí Minh tổ chức thực hiện Đề án quản lý, nhận diện và truy xuất nguồn gốc thịt heo và hướng tới thực hiện Đề án quản lý, nhận diện và truy xuất nguồn gốc thịt gia cầm và trứng gia cầm trên địa bàn tỉnh. Rà soát, đánh giá lại thực trạng đàn bò trên địa bàn tỉnh Trà Vinh năm 2018.



c) **Thủy sản:** Theo dõi, giám sát tình hình nuôi và thống kê sản lượng thu hoạch các đối tượng chủ lực. Đồng thời, tiếp tục phân công cán bộ kỹ thuật phụ trách hỗ trợ người nuôi tại những vùng nuôi trọng điểm. Hướng dẫn nông dân cải tạo ao hồ tiếp tục thả nuôi sau khi thu hoạch, khuyến khích thả nuôi các đối tượng chủ lực có giá trị kinh tế theo quy trình an toàn dịch bệnh, không gây ô nhiễm môi trường. Quản lý chặt chẽ các khu nuôi tôm tự phát ngoài vùng quy hoạch, tránh lây lan dịch bệnh làm ảnh hưởng đến toàn vùng. Thường xuyên quan trắc môi trường, thu mẫu giáp xác tại các điểm sông đầu nguồn, thông báo trên Đài Phát thanh - Truyền hình để người dân có kế hoạch quản lý ao nuôi; thực hiện quản lý, kiểm dịch giống thủy sản nhập tỉnh và sản xuất tại địa phương; tổ chức tuyên truyền bảo vệ nguồn lợi thủy sản, quản lý tàu cá; khảo sát nguồn lợi thủy sản tại các vùng ven biển.

d) **Lâm nghiệp:** Tiếp tục bàn giao 25.000 cây giống lâm nghiệp phân tán cho các xã, thị trấn; tổ chức tuyên truyền các văn bản liên quan đến lĩnh vực quản lý bảo vệ và phát triển rừng, quản lý lâm sản; triển khai trồng 35,5 ha rừng phòng hộ; trình thẩm định phê duyệt dự toán và thiết kế trồng rừng quy mô 80 ha của dự án ứng phó với biến đổi khí hậu. Tăng cường công tác tuần tra quản lý bảo vệ rừng, kiểm soát lâm sản và quản lý động vật hoang dã và xây dựng kế hoạch trồng rừng 80 ha, chủng loại Bần Chua; xây dựng kế hoạch thực hiện mục tiêu phát triển Lâm nghiệp bền vững tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016 - 2020.

#### **đ) Phát triển nông thôn:**

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: Tham mưu cho Ban Chỉ đạo tỉnh tăng cường công tác kiểm tra giám sát tình hình xây dựng nông thôn mới tại 11 xã đăng ký đạt chuẩn năm 2018; tham mưu Ban Chỉ đạo tỉnh tổ chức Hội nghị sơ kết tình hình thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM 6 tháng đầu năm và kế hoạch 6 tháng cuối năm 2018; phối hợp với Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh thực hiện 02 phóng sự về kết quả xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh; tiếp tục hướng dẫn huyện Tiểu Cần và thị xã Duyên Hải hoàn chỉnh hồ sơ đrr chuẩn bị công nhận huyện nông thôn mới.

- Chương trình bố trí dân cư: Theo dõi tiến độ thi công các hạng mục còn lại của Dự án Di dân sạt lở ấp Cồn Phụng xã Long Hòa, huyện Châu Thành; phối hợp UBND thị xã Duyên Hải, Trường Long Hòa và Hiệp Thạnh vận động hộ dân xây dựng nhà ở vào khu dân cư tập trung.

- Kinh tế hợp tác: Triển khai 09 lớp tập huấn cho các HTX từ nguồn vốn chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Tiểu Cần và Cầu Kè; hỗ trợ các HTX thí điểm liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản trên địa bàn huyện Tiểu Cần.

- Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn: Duy trì hoạt động cấp nước tại 162 trạm; tiếp tục mở rộng tuyến ống cung cấp nước sạch nông thôn và lắp mới đồng hồ nước cho khoảng 800 hộ.

### **3. Công tác chuyên môn**

- Công tác khoa học kỹ thuật: Tổ chức 35 lớp tập huấn hướng dẫn kỹ thuật về lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản; tiếp tục phân công cán bộ tư vấn trực tiếp kỹ thuật nuôi tôm nước lợ tại các huyện ven biển; tổ chức triển khai, theo dõi các mô hình đang thực hiện thuộc các nguồn vốn và các chương trình kết hợp.

- Theo dõi nắm sát diễn biến thời tiết, khí tượng thủy văn, đặc biệt là tình hình mưa bão; đôn đốc các địa phương triển khai thi công và hoàn thành công tác thủy lợi nội đồng để đảm bảo nguồn nước phục vụ sản xuất. Đồng thời, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình xây dựng cơ bản, đặc biệt là các công trình thủy lợi thuộc nguồn vốn cấp bù thủy lợi phí.

- Tổ chức 04 lớp tuyên truyền phổ biến các quy định về ATTP nông sản, thủy sản cho các cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm nông sản, thủy sản; hướng dẫn đăng ký, kiểm tra điều kiện đảm bảo ATVSTP; thu mẫu kiểm soát an toàn vệ sinh vùng thu hoạch nghêu, thu mẫu kiểm soát ATTP trong sản phẩm nông sản, thủy sản. Đồng thời, tổ chức xác nhận kiến thức ATTP cho các cơ sở sản xuất kinh doanh nông sản, thủy sản đã đăng ký; tổ chức tham quan mô hình liên kết chuỗi ATTP tại tỉnh Tiền Giang và Bến Tre.

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách đầu tư và nông nghiệp, nông thôn như: Chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ theo Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg; hỗ trợ áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt theo Quyết định số 28/2015/QĐ-UBND; hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa theo Nghị định số 35/2015/NĐ-CP; hỗ trợ, phát triển HTX giai đoạn 2015 - 2020 theo Quyết định số 2261/QĐ-TTg; hỗ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo Nghị quyết 15/2016/NQ-HĐND.

- Tiếp tục sản xuất, điều tiết cung ứng giống cây trồng, thủy sản; theo dõi các mô hình thực nghiệm, sản xuất giống đang thực hiện; tổ chức chuyển giao kỹ thuật chọn và ương dưỡng giống một số đối tượng nước lợ và ngọt.

- Quản lý tốt tàu thuyền và xe ra vào cảng cá, đồng thời tổ chức thu dịch vụ sử dụng cảng đúng qui định; tăng cường hoạt động chứng nhận thủy sản khai thác xuất khẩu; phối hợp các địa phương theo dõi diễn biến thời tiết biển thông tin kịp thời cho ngư dân trong việc phòng, tránh trú bão.

- Thanh tra 01 cuộc việc thực hiện các quy định của pháp luật về thanh tra đối với Chi cục Thủy sản; thực hiện 05 cuộc thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm, sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp.

- Các phòng, đơn vị trực thuộc khẩn trương triển khai thực hiện các kế hoạch, đề án, dự án thuộc nguồn vốn sự nghiệp và các chương trình được phân bổ vốn năm 2018.

Căn cứ vào chương trình công tác của Sở Nông nghiệp và PTNT yêu cầu thủ trưởng các đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ được giao, xây dựng kế hoạch cụ thể để thực hiện. / *Amel*

**Nơi nhận:**

- Bộ NN-PTNT;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND, UBND tỉnh;
- Sở KH-ĐT, Cục Thống kê;
- GD, các PGĐ Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Phòng NN và PTNT các huyện, TX, TP;
- Lưu: VT, KHTC.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



*Nguyễn Ngọc Hải*

## BÁO CÁO 7 THÁNG VỀ SẢN XUẤT NÔNG, LÂM, DIÊM NGHIỆP, THỦY SẢN

(Ước đến ngày 15/7/2018)

STT	Chi tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2017	KH vụ/năm 2018	TH tháng 7	Ước TH 7 tháng năm 2018	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
A	B	C	1	2		3	4=3/1	5=3/2
<b>A</b>	<b>SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP</b>							
<b>I.</b>	<b>TRỒNG TRỌT</b>							
	Tổng DT gieo trồng	Ha	177.763	272.050	6.831	184.543	103,81%	67,83%
	Cây lương thực có hạt	Ha	142.149	221.650	2.444	146.666	103,18%	66,17%
<b>1</b>	Cây lúa	Ha	139.130	216.650	2.261	143.938	103,46%	66,44%
	Sản lượng	Tấn	394.116	1.153.000	9.506	455.164	115,49%	39,48%
	Trong đó:							
	Vụ mùa							
	- Diện tích gieo sạ	Ha	2.367	1.650		1.697	71,69%	102,85%
	- Diện tích thu hoạch	Ha	2.367	1.650		1.697	71,69%	102,85%
	- Năng suất bình quân	Tạ/ha	45,23	42,42		43,33	95,80%	102,13%
	- Sản lượng	tấn	10.705	7.000		7.353	68,69%	105,04%
	Vụ Đông - Xuân							
	- DT gieo sạ	ha	59.915	60.000		66.418	110,85%	110,70%
	- Diện tích thu hoạch	Ha	59.915	60.000		66.418	110,85%	110,70%
	- Năng suất bình quân	Tạ/ha	58,97	60,50		67,10	113,79%	110,91%
	- Sản lượng	tấn	353.296	363.000		445.658	126,14%	122,77%
	Vụ Hè Thu							
	- DT gieo sạ	Ha	76.847	77.000	2.261	75.823	98,67%	98,47%
	- Diện tích thu hoạch	Ha	5.806	77.000	444	444	7,65%	0,58%
	- Năng suất	Tạ/ha	51,87	51,04	48,50	48,50	93,50%	95,03%
	- Sản lượng	tấn	30.115	393.000	2.153	2.153	7,15%	0,55%
	Vụ Thu Đông							
	- Diện tích gieo sạ	Ha		78.000				0,00%
	- Diện tích thu hoạch	Ha		78.000				0,00%
	- Năng suất bình quân	Tạ/ha		50,00				0,00%
	- Sản lượng	tấn		390.000				0,00%
<b>2</b>	Cây màu	Ha	38.634	55.400	4.570	40.605	105,10%	73,29%
<b>2.1</b>	Màu lương thực	Ha	4.756	7.750	530	4.511	94,85%	58,20%
	Cây bắp							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	3.019	5.000	184	2.728	90,36%	54,55%
	- Diện tích thu hoạch	"	2.531	5.000	121	2.258	89,21%	45,16%
	- Năng suất	Tạ/ha	55,50	54,0	40,0	54,0	97,30%	100,00%
	- Sản lượng	Tấn	14.047	27.000	484	12.193	86,80%	45,16%
	Khoai lang							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	895	1.200	233	940	104,99%	78,31%
	+ Diện tích thu hoạch	"	654	1.200	105	720	110,02%	60,00%
	+ Năng suất	Tạ/ha	169,40	158,3	160,7	172,0	101,53%	108,63%
	+ Sản lượng	Tấn	11.086	19.000	1.687	12.384	111,71%	65,18%
	Sắn							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	518	950	68	506	97,66%	53,29%
	+ Diện tích thu hoạch	"	377	950	42	372	98,64%	39,16%
	+ Năng suất	Tạ/ha	157,50	157,9	138,1	160,0	101,59%	101,33%
	+ Sản lượng	Tấn	5.940	15.000	580	5.952	100,21%	39,68%
	Cây có củ khác							

STT	Chi tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2017	KH vụ/năm 2018	TH tháng 7	Ước TH 7 tháng năm 2018	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	324	600	46	337	104,18%	56,23%
	+ Diện tích thu hoạch	"	245	600	6	237	96,73%	39,50%
<b>2.2</b>	<b>Cây thực phẩm</b>	Ha	<b>19.443</b>	<b>30.750</b>	<b>2.996</b>	<b>21.995</b>	<b>113,13%</b>	<b>71,53%</b>
	<b>Rau các loại</b>							
	+ DT gieo trồng	Ha	18.941	30.000	2.956	21.550	113,78%	71,83%
	+ Diện tích thu hoạch	"	15.453	30.000	2.674	16.259	105,22%	54,20%
	+ Năng suất	Tạ/ha	221,10	228,0	218,6	219,0	99,05%	96,05%
	+ Sản lượng	Tấn	341.657	684.000	58.444	356.072	104,22%	52,06%
	<b>Đậu các loại</b>							
	+ DT gieo trồng	Ha	501,85	750	40	444	88,53%	59,24%
	+ Diện tích thu hoạch	"	398,23	750	26	320	80,36%	42,67%
	+ Năng suất	Tạ/ha	18,20	17,3	14,5	18,9	103,85%	109,04%
	+ Sản lượng	Tấn	725	1.300	38	605	83,45%	46,52%
<b>2.3</b>	<b>Cây công nghiệp hàng năm</b>	Ha	<b>11.069</b>	<b>13.300</b>	<b>1.044</b>	<b>10.850</b>	<b>98,02%</b>	<b>81,58%</b>
	<b>Đậu phộng</b>							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	3.964	5.200	121	4.068	102,64%	78,24%
	+ Diện tích thu hoạch	"	3.542,74	5.200	249	3.774	106,53%	72,58%
	+ Năng suất	Tạ/ha	53,40	51,54	56,64	51,80	97,00%	100,51%
	+ Sản lượng	Tấn	18.918	26.800	1.410	19.549	103,34%	72,95%
	<b>Mía</b>							
	+ Diện tích trồng	Ha	5.457	5.600	658	5.066	92,84%	90,47%
	+ Diện tích thu hoạch	"	5.609	5.600	885	5.457	97,29%	97,45%
	+ Năng suất	Tạ/ha	1.053	1.100	965,0	1.053,0	100,00%	95,73%
	+ Sản lượng	Tấn	590.607	616.000	85.403	579.633	98,14%	94,10%
	<b>Cây lác (cói)</b>							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	1.648	2.500	265	1.715	104,07%	68,61%
	+ Diện tích thu hoạch	"	1.268	2.500	70	1.239	97,68%	49,56%
	+ Năng suất	Tạ/ha	108,70	110,0	78,7	112,6	103,59%	102,36%
	+ Sản lượng	Tấn	13.788	27.500	551	13.951	101,18%	50,73%
<b>2.4</b>	<b>Cây trồng khác</b>	Ha						
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	3.366	3.600		3.249	96,52%	90,25%
	+ Diện tích thu hoạch	"	1.925	3.600	167	1.897	98,55%	52,69%
<b>B</b>	<b>CHĂN NUÔI</b>							
<b>C</b>	<b>LÂM NGHIỆP</b>							
<b>D</b>	<b>THỦY SẢN</b>							
<b>1</b>	<b>Tổng diện tích nuôi</b>	Ha	<b>30.167</b>	<b>52.000</b>	<b>5.119</b>	<b>32.074</b>	<b>106,32%</b>	<b>61,68%</b>
<b>1.1</b>	<b>Nuôi nước ngọt</b>	"	<b>1.718</b>	<b>3.500</b>	<b>1.244</b>	<b>2.003</b>	<b>116,61%</b>	<b>57,24%</b>
	- Diện tích nuôi cá	"	999,39	2.000	403	1.092	109,31%	54,62%
	Trong đó: + Cá tra, cá ba sa	"	17	50	32	42	245,96%	84,56%
	+ Cá lóc	"	209	270	74	174	82,91%	64,29%
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	719	1.500	841	911	126,76%	60,73%
	Trong đó: tôm càng xanh	"	718	1.500	841	911	126,86%	60,73%
	- Diện tích nuôi khác	"						
<b>1.2</b>	<b>Nuôi nước mặn, lợ</b>	Ha	<b>28.449</b>	<b>48.500</b>	<b>3.875</b>	<b>30.070</b>	<b>105,70%</b>	<b>62,00%</b>
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	28.364	47.500	3.875	29.225	103,03%	61,53%
	Trong đó: + Tôm sú	"	22.003	22.000	2.855	22.055	100,24%	100,25%
	+ Tôm thẻ chân trắng	"	5.059	7.500	1.021	6.021	119,01%	80,27%
	+ Cua biển	"	1.303	18.000	-	1.150	88,26%	6,39%
	- Diện tích nuôi khác (nghêu, sò huyết)	"	85	1.000	-	845	994,12%	84,50%
<b>2</b>	<b>Tổng sản lượng thủy sản</b>	Tấn	<b>97.717</b>	<b>201.600</b>	<b>28.692</b>	<b>103.764</b>	<b>106,19%</b>	<b>51,47%</b>

STT	Chi tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2017	KH vụ/năm 2018	TH tháng 7	Ước TH 7 tháng năm 2018	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
<b>2.1</b>	<b>Tổng sản lượng nuôi</b>	Tấn	<b>57.829</b>	<b>126.900</b>	<b>21.517</b>	<b>60.749</b>	<b>105,05%</b>	<b>47,87%</b>
<b>2.1.1</b>	<b>Nuôi nước ngọt</b>	Tấn	<b>30.791</b>	<b>71.300</b>	<b>6.134</b>	<b>28.540</b>	<b>92,69%</b>	<b>40,03%</b>
	- Sản lượng cá	"	30.176	70.000	6.134	27.851	92,29%	39,79%
	Trong đó: cá tra, cá basa	"	7.476	23.500	2.345	5.825	77,91%	24,79%
	Cá lóc	"	16.059	30.000	2.575	15.233	94,85%	50,78%
	- Sản lượng tôm càng xanh	"	614	1.300	-	689	112,16%	53,00%
	- Sản lượng thủy sản khác	"						
<b>2.1.2</b>	<b>Nuôi nước mặn, lợ</b>	Tấn	<b>27.038</b>	<b>55.600</b>	<b>15.383</b>	<b>32.209</b>	<b>119,13%</b>	<b>57,93%</b>
	- Sản lượng giáp xác nuôi	"	26.183	52.500	15.336	31.591	120,66%	60,17%
	Trong đó: + Tôm sú	"	5.747	11.800	1.953	5.864	102,03%	49,69%
	+ Tôm thẻ chân trắng	"	17.485	33.500	11.761	22.365	127,91%	66,76%
	+ Nuôi cua biển	"	2.951	7.200	1.622	3.362	113,94%	46,69%
	- Sản lượng thủy sản khác	"	856	3.100	47	618	72,27%	19,94%
<b>2.2</b>	<b>Tổng sản lượng khai thác</b>	Tấn	<b>39.889</b>	<b>74.700</b>	<b>7.175</b>	<b>43.015</b>	<b>107,84%</b>	<b>57,58%</b>
<b>4.2.1</b>	<b>Khai thác biển</b>	Tấn	<b>34.835</b>	<b>63.100</b>	<b>6.460</b>	<b>37.630</b>	<b>108,02%</b>	<b>59,63%</b>
	Trong đó: - Cá các loại	Tấn	14.445	26.000	2.619	16.765	116,06%	64,48%
	- Tôm các loại	Tấn	4.811	8.100	1.029	5.356	111,34%	66,13%
	- Thủy sản khác	"	15.579	29.000	2.811	15.508	99,55%	53,48%
<b>4.2.2</b>	<b>Khai thác nội địa</b>	Tấn	<b>5.053</b>	<b>11.600</b>	<b>715</b>	<b>5.385</b>	<b>106,57%</b>	<b>46,42%</b>
	Trong đó: - Cá các loại	"	2.662	5.500	327	2.515	94,49%	45,73%
	- Tôm các loại	"	1.495	3.500	163	1.750	117,02%	49,99%
	- Thủy sản khác	"	896	2.600	225	1.120	124,98%	43,08%
	<b>* Tình hình thiệt hại tôm sú</b>							
	- Tổng số hộ thả nuôi	Lượt hộ	18.868		2.630	19.166	101,58%	
	- Số hộ bị thiệt hại	Lượt hộ	1.754		268	1.072	61,12%	
	- Diện tích thả nuôi	Ha	22.003		2.855	22.055	100,24%	
	- Diện tích bị thiệt hại	Ha	786		101	404	51,47%	
	- Số con giống thả nuôi	Triệu con	1.514		196	1.421	93,84%	
	- Số con giống bị thiệt hại	Triệu con	158		17	88	55,75%	
	- Tỷ lệ con giống bị thiệt hại	%	10		9	6	59,41%	
	<b>* Tình hình thiệt hại tôm thẻ chân trắng</b>							
	- Tổng số hộ thả nuôi	Lượt hộ	11.680		3.411	14.658	125,50%	
	- Số hộ bị thiệt hại	Lượt hộ	2.679		740	3.003	112,09%	
	- Số con giống thả nuôi	Triệu con	2.821		376	3.356	118,96%	
	- Số con giống bị thiệt hại	Triệu con	569		158	624	109,71%	
	- Tỷ lệ con giống bị thiệt hại	%	20		42	19	92,23%	